

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTT22B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH003062** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Đất và phân bón**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201102473	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	20/08/2007			10	7.0	7.0		1.0	7.5	7.5
2	2256201102474	Bùi Thị Yến Nhi	18/11/2006			7	6.0	6.3		2.5	6.0	6.1
3	2256201102475	Lê Trần Thành Phát	06/05/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2256201102476	Huỳnh Thanh Phúc	14/08/2006			6	6.0	6.0		0.0	0.0	2.4
5	2256201102477	Nguyễn Hoàng Phúc	15/10/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
6	2256201102478	Giáp Văn Quý	16/04/2007			10	6.0	7.0		0.5	6.0	6.5
7	2256201102479	Đinh Văn Thanh	21/10/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2256201102480	Lê Hoàng Thanh	07/11/2007			9	6.0	5.0		0.0	0.0	2.5
9	2256201102481	Nguyễn Đăng Phước Thiện	29/12/2006			10	9.0	7.9		1.5	10.0	9.5
10	2256201102482	Nguyễn Thị Kim Thoa	20/03/2006			10	5.0	6.9		2.5	7.5	7.2
11	2256201102483	Nguyễn Trung Tín	20/07/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2256201102484	Lâm Văn Toàn	05/08/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2256201102485	Trần Bảo Trâm	09/06/2007			10	7.0	7.0		0.5	9.0	8.4
14	2256201102486	Dương Thị Mai Trinh	28/05/2007			7	6.0	6.6		0.0	6.5	6.5
15	2256201102487	Trần Nguyễn Đức Trọng	14/12/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2256201102488	Lý Quốc Trung	20/02/2007			8	6.0	6.3		2.5	6.0	6.2
17	2256201102489	Phạm Lê Tuấn	30/04/2007			8	6.0	6.3		1.0	6.5	6.5
18	2256201102490	Nguyễn Kim Yến	17/04/2006			10	6.0	6.9		2.5	7.5	7.4

Châu Đốc, ngày 15 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Tiến Đạt